

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/DS-PT
Ngày 21 tháng 02 năm 2024
V/v “Tranh chấp về thừa kế
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tấn Tài

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng; ông Nguyễn Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Mai – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án sơ thẩm số 162/2023/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang bị các nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị Kim T kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1943;

1.2. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1945;

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V, bà T: Ông Võ Hoa N, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phước V1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ B, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ B, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

3.1 Ông Nguyễn Phước T2, sinh năm 1930 (chết), người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T2 là:

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1940. Địa chỉ: Tổ C, ấp K, xã K, huyện C, An Giang;

- Bà Nguyễn Thị T3. Địa chỉ: Tổ C, ấp K, xã K, huyện C, An Giang;

- Ông Nguyễn Phước Q. Địa chỉ: Tổ C, ấp K, xã K, huyện C, An Giang;

- Ông Nguyễn Phước Q1. Địa chỉ: Tổ B, ấp K, xã K, huyện C, An Giang;

3.3. Bà Nguyễn Thị V2, sinh năm 1945. Địa chỉ: Tổ F, ấp P, xã P, huyện P, An Giang;

3.4. Ông Nguyễn Phước T4, sinh năm 1944. Địa chỉ: Tổ G, ấp K, xã K, huyện C, An Giang;

3.5. Ông Nguyễn Phước T5, sinh năm 1945. Địa chỉ: Tổ B, ấp K, xã K, huyện C, An Giang;

3.6. Ông Nguyễn Phước D, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ B, ấp K, xã K, huyện C, An Giang;

3.7. Ông Nguyễn Phước D1, sinh năm 1968. Tổ 07, ấp K, xã K, huyện C, An Giang.

(Tại phiên tòa có mặt người đại diện theo của các nguyên đơn – ông Võ Hoa N, bị đơn ông Nguyễn Phước V1. Những người còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2019, các nguyên đơn bà V, bà T và quá trình tham gia tố tụng trình bày như sau:

Cha mẹ bà V, bà T là ông Nguyễn Phước K (chết khoảng năm 1973, không để lại di chúc) và bà Trần Thị T6 (chết năm 2016) có chín người con gồm: Nguyễn Văn T7, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị V2, Nguyễn Phước T4, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Phước T5, Nguyễn Phước D, Nguyễn Phước D1, Nguyễn Phước V1. Khi còn sống cha mẹ bà V, bà T có nhận chuyển nhượng của ông Mười H 2,2 mẫu đất (22.000m²) tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện C. Trước khi mẹ bà V, bà T chết thì có làm di chúc đề ngày 22/12/1991 để định đoạt phần đất 2,2 mẫu như sau: Ông Nguyễn Phước V1 được hưởng 10.000m², bà T được hưởng 3.000m², bà V được hưởng 3.000m². Tuy nhiên, hiện nay ông V1 đã bán toàn bộ diện tích đất mà cha mẹ để lại. Do đó, bà V, bà T yêu

cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Phước Vũ h lại giá trị của 3.000m² đất là 300.000.000 đồng cho bà V và giá trị giá trị của 3.000m² đất là 300.000.000 đồng cho bà T.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, bị đơn ông Nguyễn Phước V1 trình bày tại các phiên hòa giải tại tòa như sau: Ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà V, bà T là cha mẹ ông có để lại cho bà V và bà T, mỗi người 3.000m² tọa lạc ấp K, xã K, huyện C nhưng do hoàn cảnh khó khăn ông đã bán hết toàn bộ diện tích đất mà cha mẹ để lại cho bà V, bà T. Tuy nhiên ông chỉ đồng ý hoàn lại cho bà V, bà T mỗi người là 100.000.000 đồng.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn trình bày ý kiến như sau:

- Nguyên đơn bà V, bà T và bị đơn ông V1 thống nhất giá đất hiện tại là là 80.000.000 đồng/ 1000m²; các đương sự thống nhất không yêu cầu thực hiện định giá tài sản. Tại phiên hòa giải ngày 28/2/2023, đại diện theo ủy quyền của bà V là ông Võ Hoa N trình bày: Bà V cho ông V1 1.000m² chỉ nhận 2.000m² trị giá tương đương 200.000.000 đồng.

- Ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V2, ông Nguyễn Phước D1, ông Nguyễn Phước T4, ông Nguyễn Phước Q, ông Nguyễn Phước D cùng trình bày: Khi mẹ còn sống mẹ có chia cho mỗi người con gái 3.000m², khi mẹ còn sống thì phần đất này tạm giao cho ông V1 canh tác để nuôi mẹ, khi nào mẹ chết thì mới giao đất cho các con gái. Tuy nhiên, ông V1 tự ý kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chúng tôi yêu cầu ông V1 trả lại phần đất được mẹ cho nhưng ông Vũ h1 hoài nhưng không thực hiện, sau đó thì ông V1 đã bán phần đất của chúng tôi cho người khác. Chúng tôi thống nhất việc bà V, bà T kiện ông V1 yêu cầu trả lại cho mỗi người 300.000.000 đồng, chúng tôi xin vắng mặt tại các tiến trình tố tụng tại tòa cũng như xin xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Phước T5 biết mẹ ông là bà T6 có chia 6.000m² cho 02 người chị là chị V, chị T là có thật, ông xin vắng mặt tại các tiến trình tố tụng tại tòa cũng như xin xét xử vắng mặt.

- Ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T3, bà C, ông Q1 trình bày: Chúng tôi không có ý kiến về việc khởi kiện của bà V, bà T và ông V1. Chúng tôi xin vắng mặt tại các tiến trình tố tụng tại tòa cũng như xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Các nguyên đơn bà V, bà T, đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, các nguyên đơn trình bày yêu cầu như sau:

- Nguyên đơn bà V, đại diện theo ủy quyền của bà V trình bày: Bà V được mẹ là bà T6 cho 3.000m² đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang nhưng bà V đồng ý cho ông V1 1.000m², chỉ nhận 2.000m² (phần đất này ông V1 đã sang tên cho người khác) nên bà đồng ý nhận trị giá của 2.000m² tương đương là 200.000.000 đồng.

Bà yêu cầu ông V1 phải trả lại giá trị phần diện tích đất bà được mẹ cho là 200.000.000 đồng, trả một lần, thống nhất giá đất là 80.000.000 đồng/1.000m² đất.

- Nguyên đơn bà T, đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày: Bà T được mẹ là bà T6 cho 3.000m² đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang nhưng bà T thống nhất giá đất là 80.000.000 đồng/1.000m², do vậy phần của bà được mẹ cho là 3.000m² (phần đất này ông V1 đã sang tên cho người khác) nên bà yêu đồng ý nhận trị giá của 3.000m² tương đương là 240.000.000 đồng. Bà yêu cầu ông V1 phải trả lại giá trị phần diện tích đất bà được mẹ cho là 240.000.000 đồng, trả một lần.

- Bị đơn ông V1 trình bày như sau: Ông thống nhất mẹ ông là bà T6 có cho bà V, bà T, mỗi người 3.000m² đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang theo di chúc do mẹ để lại nhưng ông tự ý kê khai đối với phần diện tích đất bà V, bà T và đã sang nhượng cho người khác. Nay, bà V, bà T yêu cầu ông phải trả lại giá trị của 3.000m² cho mỗi người thì ông đồng ý. Cụ thể, ông đồng ý trả lại cho bà V là 200.000.000 đồng (vì bà V cho lại ông V1 1.000m², chỉ nhận 2.000m², tương ứng với số tiền là 200.000.000 đồng); đồng ý trả lại cho bà T là 240.000.000 đồng (tính giá đất 80.000.000 đồng/1.000m² (như vậy 3.000m² x 80.000.000 đồng = 240.000.000 đồng)).

- Hàng thừa kế của ông Nguyễn Phước K và bà Trần Thị T6 gồm: Các ông bà Nguyễn Phước T2, sinh năm 1930 (chết), người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T2 là: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1940 (vợ ông T2), bà Nguyễn Thị T3 (con ông T2) ông Nguyễn Phước Q (con ông T2) ông Nguyễn Phước Q1 (con ông T8); bà Nguyễn Thị V2, ông Nguyễn Phước T4, ông Nguyễn Phước T5, ông Nguyễn Phước D, ông Nguyễn Phước D1 đều không tranh chấp về việc di sản thừa kế của cha mẹ họ để lại với ông V1, bà V, bà T. Ngoài ra, không phát sinh thêm người thừa kế.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2023/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Kim T. Công nhận Tờ di chúc lập ngày 22/12/1991 của bà Trần Thị T6 là hợp pháp.

Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Phước V1 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị phần di sản của bà Nguyễn Thị V được hưởng là 200.000.000 đồng.

Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Phước V1 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị phần di sản của bà Nguyễn Thị Kim T được hưởng là 240.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/7/2023, bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị Kim T kháng cáo yêu cầu được nhận 3.000m² đất tọa lạc tại tổ B, K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng tại cấp phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp thêm những tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt HĐXX), căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị Kim T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 162/2023/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Bà Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị Kim T kháng cáo trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo: bà Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị Kim T yêu cầu mỗi người được nhận 3.000m² đất tọa lạc tại tổ B, K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

[3] Xem xét yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn, HĐXX xét thấy:

Các đương sự đều thống nhất việc bà T6 có cho bà V, bà T mỗi người 3.000m² đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang theo di chúc do mẹ để lại nhưng ông V1 tự ý kê khai đối với phần diện tích đất bà V, bà T và đã sang nhượng cho người khác. Việc ông Nguyễn Phước V1 được giao quản lý tài sản được bà T6 định đoạt trong di chúc đã tự ý kê khai phần di sản của bà V, bà T được thừa hưởng theo di chúc và đã chuyển nhượng cho người khác là không tuân thủ theo di chúc, trái với ý chí của bà T6, vi phạm nghĩa vụ, chiếm hữu di sản bất hợp pháp nên bà V, bà T6 là người được hưởng thừa kế và họ có quyền kiện yêu cầu chia thừa kế là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T và ông V1 thống nhất: Về giá đất là 80.000.000 đồng/1000m² nên có cơ sở xác định 3.000m² x 80.000.000 đồng là 240.000.000 đồng. Bà T yêu cầu ông V1 giá trị là 240.000.000 đồng (tương ứng 3.000m²), ông V1 đồng ý theo yêu cầu của bà T, hoàn trả giá trị 3.000m² là 240.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Kim T. Đồng thời, bà V và ông V1 thống nhất: Lẽ ra bà V được hưởng đúng giá trị

của 3.000m² nhưng bà V tự nguyện cho ông V1 1.000m², chỉ nhận 2.000m² là 200.000.000 đồng, ông V1 đồng ý theo yêu cầu của bà V.

Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này là có căn cứ.

Bà Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị Kim T kháng cáo yêu cầu được nhận 3.000m² đất tọa lạc tại tổ B, K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, đồng thời cho rằng mức giá đất mà Tòa án cấp sơ thẩm tự đưa ra là 80.000.000 đồng/1.000m² là không có cơ sở. Thấy rằng tại Biên bản hòa giải ngày 28 tháng 02 năm 2023, chính ông N là người đại diện theo ủy quyền của bà V, bà T đưa ra mức giá đất tại thời điểm là 80.000.000 đồng/1.000m² này được sự đồng ý của ông V1, đây là sự tự thỏa thuận mức giá đất giữa các bên đương sự, không phải do Tòa án cấp sơ thẩm tự định giá, nên lời trình bày của ông N là không có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, tại Đơn khởi kiện, cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà V, bà T cũng như người đại diện theo ủy quyền của hai bà là ông N đều thống nhất yêu cầu phía ông V1 phải hoàn trả lại giá trị đất theo kỹ phần được hưởng, không có yêu cầu nhận lại hiện vật là đất. Từ đó cấp sơ thẩm giải quyết vụ án theo hướng trả lại giá trị đất và tuyên buộc ông V1 phải có trách nhiệm trả lại giá trị đất theo như sự tự nguyện thỏa thuận của các bên tại phiên tòa sơ thẩm là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn.

Đối với quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị Kim T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2023/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang. Nhận thấy, quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị Kim T.

- Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 162/2023/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Kim T. Công nhận Tờ di chúc lập ngày 22/12/1991 của bà Trần Thị T6 là hợp pháp.

Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Phước V1 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị phần di sản của bà Nguyễn Thị V được hưởng là 200.000.000 đồng.

Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Phước V1 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị phần di sản của bà Nguyễn Thị Kim T được hưởng là 240.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Kim T9.

- Ông Nguyễn Phước V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THA huyện C;
- Đường sự;
- Tòa Dân sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tấn Tài